| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **28/2018**/HSST
Ngày 11/05/2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Mạnh.

Bà Trương Thị Lan Phương.

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Bích Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2018 tại Nhà văn hóa xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 13 tháng 04 năm 2018; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Đào Văn T**, (Tên gọi khác: không); Sinh ngày 06/10/1994, tại G - Ninh Bình; Trú tại: xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đào Văn T và bà Quách Thị H; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: Tại bản án số 18/HSST ngày 23/03/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt Đào Văn T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Đến ngày 17/08/2017, T chấp hành xong hình phạt tù và nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 13/03/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

**Người bị hại**: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1991; Trú tại: thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Tống Văn D, sinh năm 1990: Trú tại: thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh D ủy quyền cho chị Đoàn Thị N (văn bản ủy quyền ngày 24/03/2018), (Có mặt).

**Người làm chứng:**

- Anh Vũ Mạnh T1, sinh năm 1980; Trú tại: xó 3, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).
- Chị Lương Thị M, sinh năm 1989; Trú tại: thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).
- Ông Trần Trung T2, sinh năm 1959; Trú tại: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/03/2018, do muốn có tiền ăn tiêu Đào Văn T một mình đi bộ từ thành phố Ninh Bình đến địa bàn xã S, huyện N tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày T đi đến đường cánh đồng thôn Đ, xã S, huyện N thì quan sát thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35N1-088.70 của chị Đoàn Thị N trú tại thôn T, xã S, huyện N đang dựng bên lề đường, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa. Đào Văn T lợi dụng chị N đang cấy lúa dưới cánh đồng cách vị trí để xe 35 mét, không trông coi tài sản Đào Văn T đã lén lút, bí mật đi đến chỗ để chiếc xe mô mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35N1 - 088.70 của chị Đoàn Thị N sau đó lên xe nổ máy đi về Quốc lộ 12B hướng thành phố Tam Điệp. Khi T vừa đi được 100 mét thì chị N phát hiện chiếc xe của mình bị T trộm cắp đã hô hoán, đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Đào Văn T điều khiển xe mô tô BKS 35N1-088.70 vừa trộm cắp được đến cửa hàng xe máy của anh Vũ Mạnh T1 ở xóm 3, xã G, huyện G để bán. Trong lúc trao đổi với anh T1, Đào Văn T thấy tổ công tác của Công an huyện G phối hợp với Công an xã G, huyện G đi vào cửa hàng, T lo sợ việc mình bán xe trộm cắp bị phát hiện nên đã điều khiển xe mô tô 35N1- 088.70 bỏ chạy ra quốc lộ 1A thì đâm vào xe mô tô 30N1-8359 do ông Trần Trung T2 trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa điều khiển. Tổ công tác Công an huyện G thấy T có biểu hiện nghi vấn nên đã đuổi theo bắt giữ Đào Văn T và thu giữ 01 xe mô tô BKS 35N1-088.70. Tại trụ sở công an huyện G, Đào Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, Công an huyện G đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng cho Cơ quan điều tra công an huyện N để xác minh điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị cáo Đào Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Đào Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Tại Bản kết luận định giá số 10 ngày 06/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 35N1-088.70 có giá trị 16.000.000$^{đ}$;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

- Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSNQ-HS ngày 12/04/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đào Văn T về tội "Trộm cắp tài sản"; theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

***Đề nghị Hội đồng xét xử:***

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt Đào Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/03/2018.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với biên bản vụ việc, các bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 03/03/2018 tại đường cánh đồng thôn Đ, xã S, huyện N, Đào Văn T đã lợi dụng sơ hở, vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 35N1-088.70 của chị

Đoàn Thị N ở thôn T, xã S, huyện N, theo kết luận định giá tài sản số 10 ngày 06/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N trị giá là 16.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Đào Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS .

Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt tài sản nhưng khi về địa phương sinh sống, bị cáo không chịu tu trí làm ăn lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tiền án 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Đến ngày phạm tội lần này chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và phiên tòa thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS .

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

*Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 35N1- 088.70 quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của vợ chồng chị Đoàn Thị N và anh Tống Văn D, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh Tống Văn D là phù hợp. Anh D xác định chiếc xe còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng gì, anh D không có đề nghị gì.

- Đối với ông Trần Trung T2 người bị Đào Văn T điều khiển xe mô tô đâm vào xe của ông khi T bỏ chạy khỏi cửa hàng xe máy, ông T2 xác định ông bị thương nhẹ, xe mô tô không bị hư hỏng gì nên ông không yêu cầu Đào Văn T phải có trách nhiệm bồi thường.

[3] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố: bị cáo Đào Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt bị cáo Đào Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 13/03/2018.

**2.** Án phí: Án phí: Căn cứ khoản 2 các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000$^{đ}$ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, chị N, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
***(Đã ký)***

**Nguyễn Ngọc Bình**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA. DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).